KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam tiếp diễn đà tăng sau các đánh giá tích cực của Viện trưởng Viện Chiến lược Phát triển

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
HĐTL giảm nhẹ trong phiên hôm nay sau phiên giảm điểm của TTCK Mỹ

[Thông tin doanh nghiệp]
VCB, GVR

[Quan điểm đầu tư]
Nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn nếu nhịp rung lắc xảy ra trước khi chỉ số vượt đỉnh hoặc bán trading 1 phần sau khi chỉ số vượt đỉnh.

12/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,192.28	+0.62
VN30	1,169.03	+0.48
HĐTL VN30F1M	1,191.90	-0.10
HNXIndex	221.97	+1.30
HNX30	355.45	+0.51
UPCoM	77.89	+1.22
USD/VND	23,066	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+6
Dầu (WTI, $)	52.63	+0.73
Vàng (LME, $)	1,855.95	+0.65

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**1,192.28 (+0.62%)**
KLGD (triệu CP)	**683.3 (-7.1%)**
GTGD (triệu U$)	**685.2 (-14.8%)**
HNXIndex	**221.97 (+1.30%)**
KLGD (triệu CP)	**166.6 (+21.7%)**
GTGD (triệu U$)	**102.3 (+12.0%)**
UPCoM	**77.89 (+1.22%)**
KLGD (triệu CP)	**63.2 (+11.3%)**
GTGD (triệu U$)	**38.5 (+4.2%)**
NĐTNN mua ròng (triệu U$)	**-11.0**

TTCK Việt Nam tiếp diễn đà tăng sau các đánh giá tích cực của Viện trưởng Viện Chiến lược Phát triển, Bộ Kế hoạch & Đầu tư về triển vọng kinh tế vĩ mô với mức dự báo tăng trưởng GDP bình quân 7%/năm trong 10 năm tới. Theo Hiệp hội mía đường Việt Nam, giá đường nội địa cải thiện trong tháng cuối năm 2020 do lượng đường nhập khẩu chính ngạch giảm vì tình trạng khủng hoảng container trong ngành logistic toàn cầu tác động tích cực đến cổ phiếu ngành đường như QNS (+2.8%), LSS (+1%). Cổ phiếu hàng không tăng giá HVN (+2.6%), VJC (+0.2%) trước thông tin sau dịp Tết Nguyên Đán, Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, thúc đẩy việc nối lại chuyến bay thương mại thường lệ tới các nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Bộ NN&PTNT vừa có tờ trình gửi Thủ tướng phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó mục tiêu đến 2030 xuất khẩu thủy sản đạt 14-16 tỷ USD và đến năm 2045 thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu thế giới giúp cổ phiếu nhóm thủy sản tăng giá ở ANV (+2.2%), VHC (+0.7%). Khối ngoại tiếp tục bán ròng ở HPG (+4.3%), VHM (+0.3%), CTG (-0.5%).

VNIndex & HNXIndex

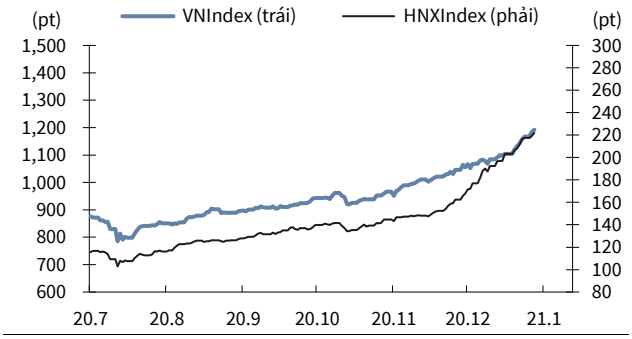

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

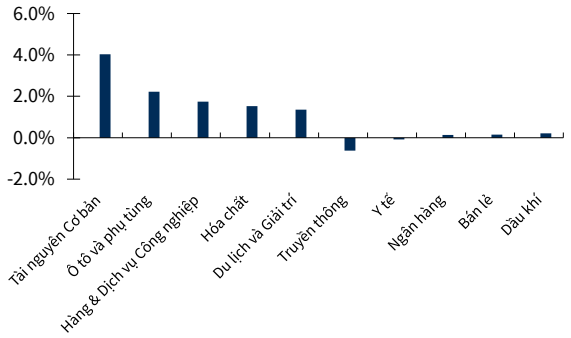

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

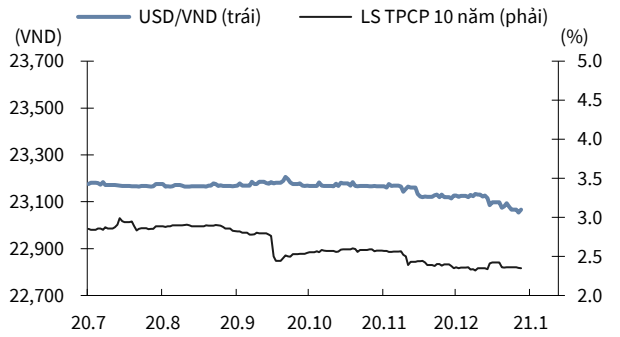

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**1,169.03 (+0.48%)**
VN30F1M	**1,191.9 (-0.10%)**
Mở cửa	**1,197.9**
Cao nhất	**1,198.0**
Thấp nhất	**1,184.2**
KLGD (HĐ)	**161,645 (+29.5%)**

HĐTL giảm nhẹ trong phiên hôm nay sau phiên giảm điểm của TTCK Mỹ. Chênh lệch F2101 và VN30 mở cửa ở mức 33.2 và thu hẹp dần trong phiên và đóng cửa ở 22.87. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản tăng trở lại.

HĐTL VN30F1M & VN30

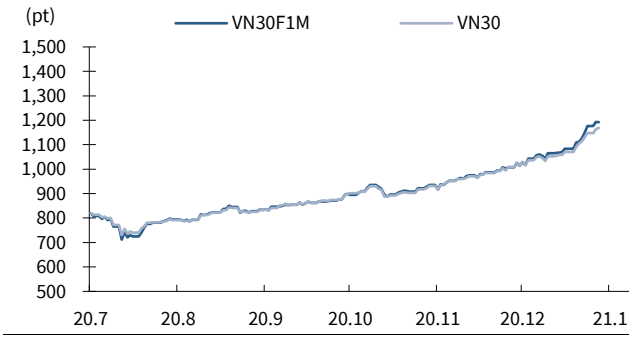

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

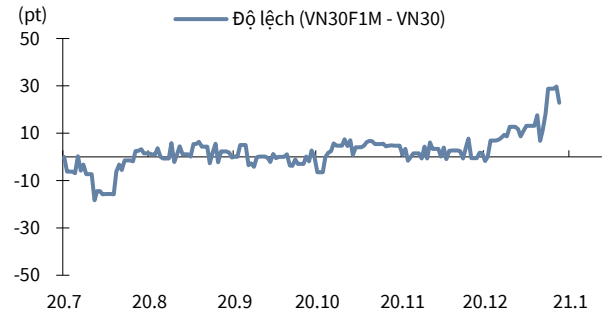

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

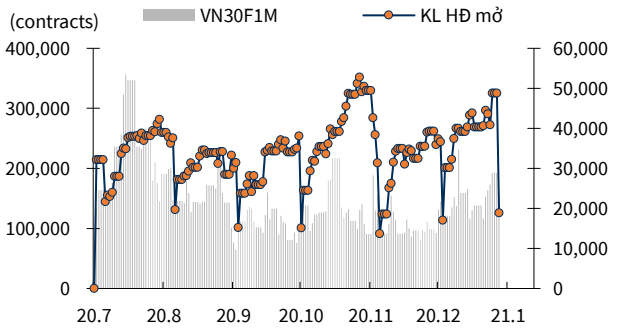

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

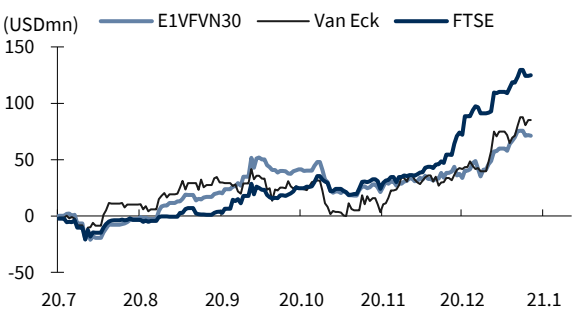

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vietcombank (VCB)

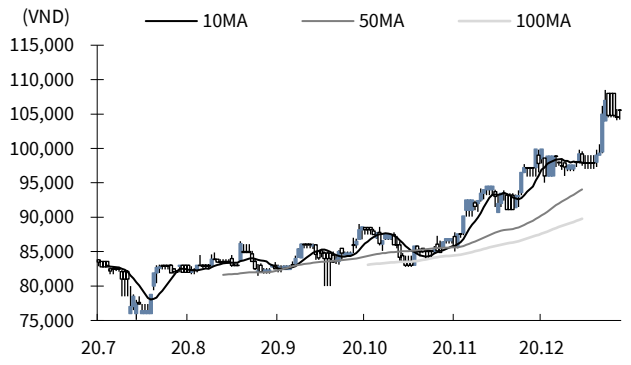

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB tăng 1.1% lên 105,600 VNĐ/cp.
- VCB mới đây công bố mục tiêu lợi nhuận trước thuế 2021 đạt 25,200 (+2% YoY), tổng tài sản tăng 6%, huy động vốn thị trường 1 tăng 8%, tín dụng tăng 12% và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1%.
- Năm 2020, VCB ghi nhận lợi nhuận trước thuế 23,068 tỷ đồng, tương đương năm 2019, tăng trưởng tín dụng đạt 13.95%, tỷ lệ nợ xấu là 0.61%, tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng cao nhất hệ thống ngân hàng, gần 377%

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)

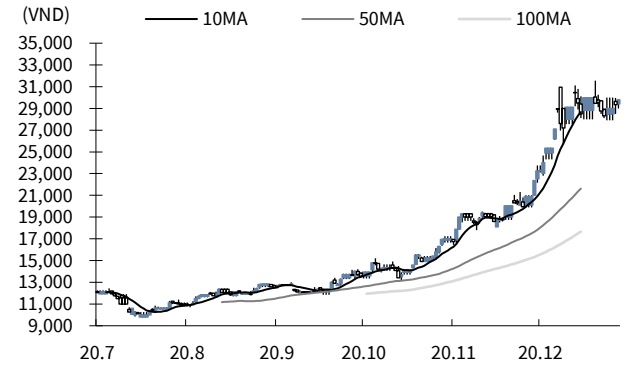

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 1.5% lên 29,800 VNĐ/cp.
- GVR công bố kết quả kinh doanh 2020 ước tính với lợi nhuận trước thuế đạt 4,981 tỷ đồng (+7% YoY), doanh thu 25,477 tỷ đồng (+28% YoY). Năm 2021, GVR đề ra kế hoạch kinh doanh với mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5,700 tỷ đồng (+14% YoY), doanh thu 27,100 tỷ đồng (+6% YoY).

Chuyên viên chiến lược thị trường
Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

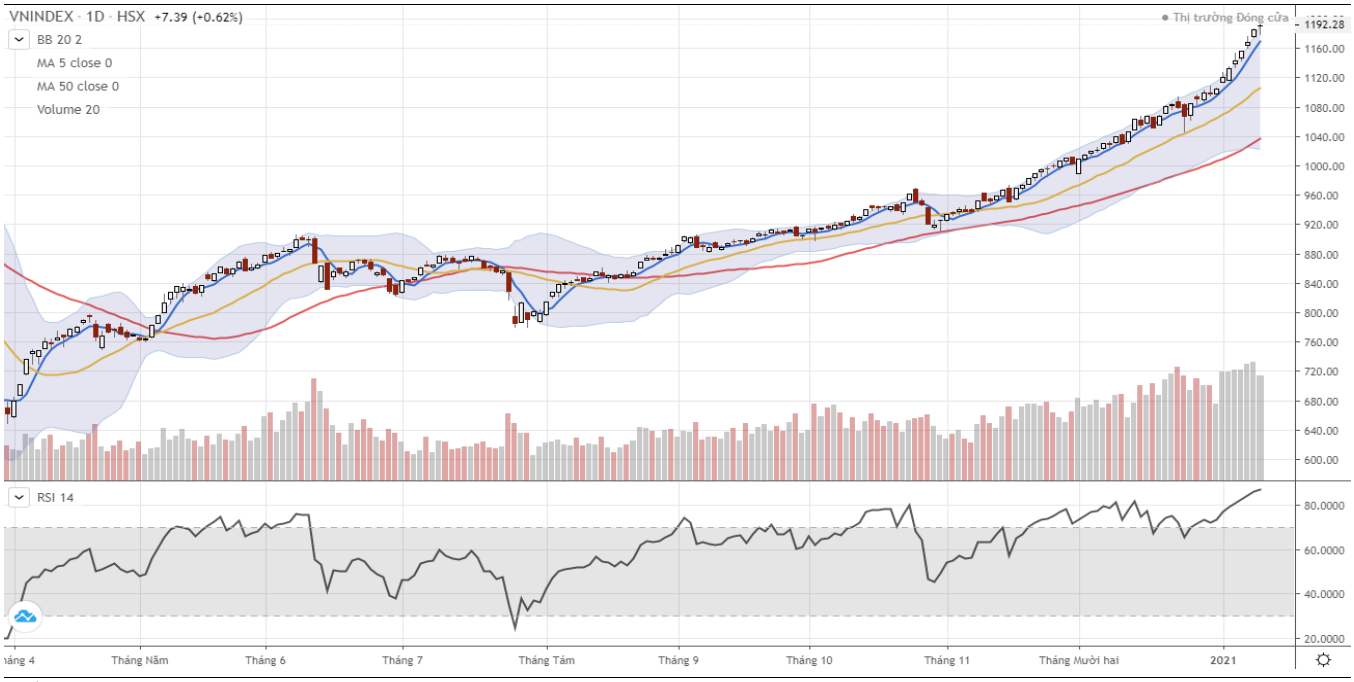

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VNIndex trải qua nhịp điều chỉnh vào đầu phiên trước khi dần hồi phục trở lại về cuối phiên, hình thành mẫu nến hanging man.

— Áp lực chốt lời dần gia tăng khi chỉ số tiến sát vùng đỉnh lịch sử. Mặc dù VNIndex sẽ tiếp tục gặp phải áp lực rung lắc, nhưng chúng tôi cho rằng với xung lực tăng điểm hiện tại, chỉ số đang có nhiều cơ hội chinh phục vùng đỉnh 1200 trước khi có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh rõ nét hơn.

— NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn nếu nhịp rung lắc xảy ra trước khi chỉ số vượt đỉnh hoặc bán trading 1 phần sau khi chỉ số vượt đỉnh.

Chỉ số VN30

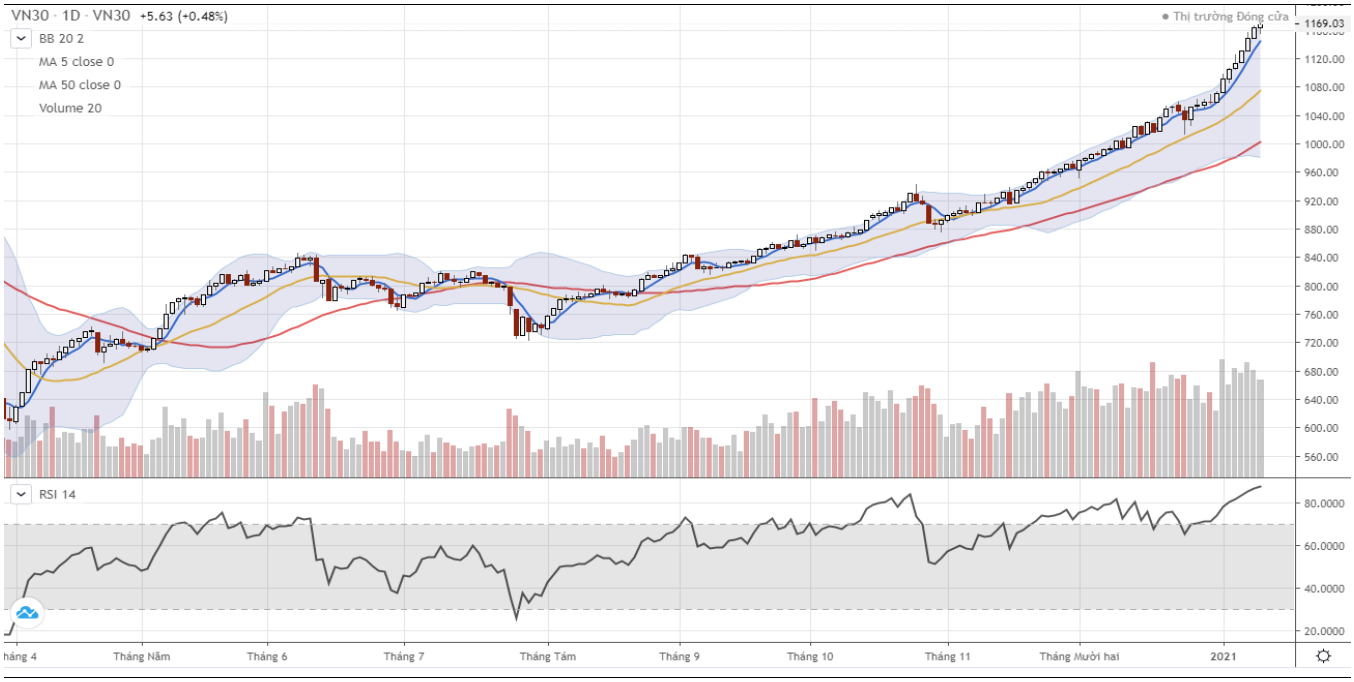

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

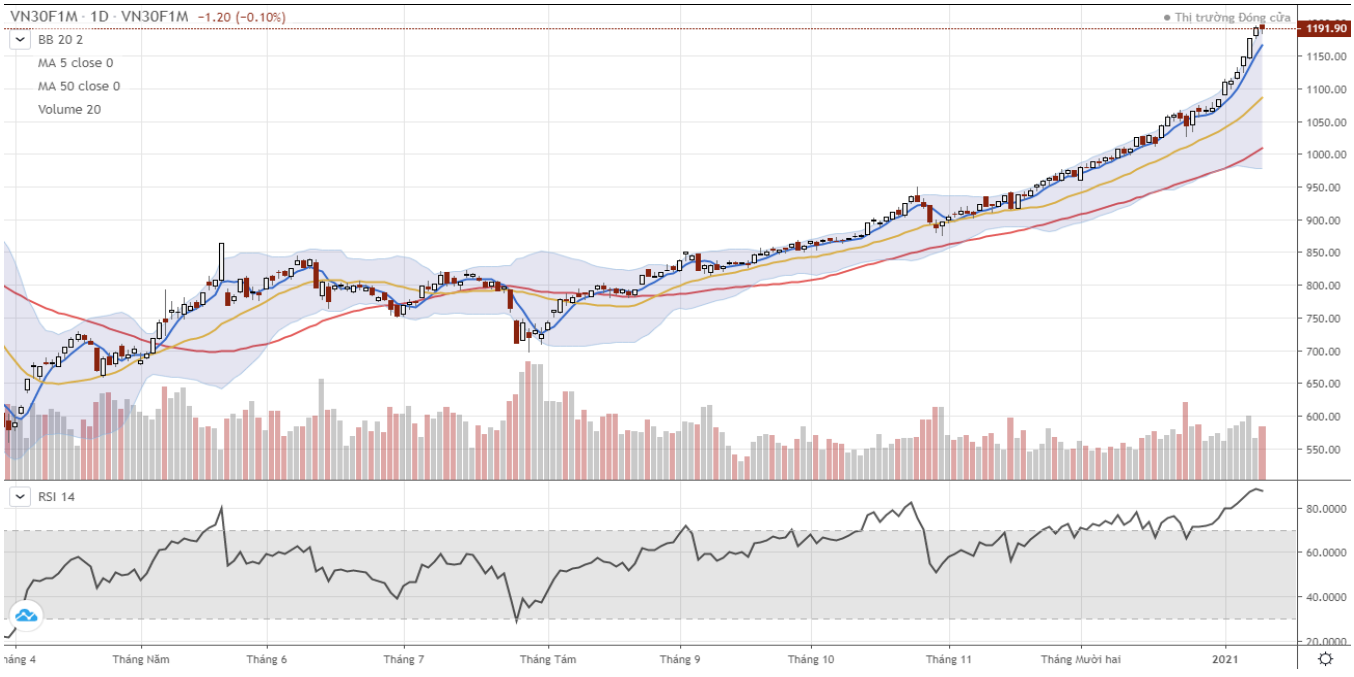

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên	
Kháng cự xa:	1201 - 1205
Kháng cự gần:	1197 - 1199
Hỗ trợ gần:	1183 - 1185
Hỗ trợ xa:	1177 - 1180

— F1 rung lắc mạnh khi tiến sát mốc 1200 trong phiên hôm nay.

— Vùng kháng cự quanh 1200 đang tạo lực cản cho chỉ số nhưng với xung lực tăng điểm vẫn đang khá tích cực, F1 đang có nhiều cơ hội vượt đỉnh trước khi gặp rủi ro điều chỉnh rõ nét hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ nhịp điều chỉnh rõ nét trước khi mở lại vị thế LONG.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.48%	1.37%
Tăng lũy kế (YTD)	32.99%	40.94%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

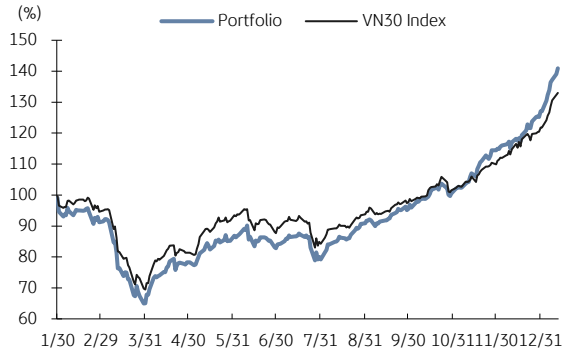

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	126,200	0.0%	8.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,000	-1.2%	39.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,900	0.2%	8.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	26,150	-0.8%	52.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặ nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	53,100	3.7%	56.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	65,800	1.7%	96.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	38,500	-0.5%	57.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,600	0.3%	27.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	44,900	4.3%	129.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	29,850	5.9%	117.9%	- Giá bán khu độ thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
E1VFVN30	1.3%	97.9%	116.7
NVL	-0.1%	5.7%	107.0
FUEVFVND	0.6%	100.0%	65.9
MSB	-1.0%	29.6%	33.5
CII	2.5%	28.4%	24.8
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
HPG	4.3%	33.0%	-147.1
VHM	0.3%	22.2%	-85.9
CTG	-0.5%	28.9%	-67.5
LPB	-1.4%	4.9%	-64.7
VRE	-1.2%	31.1%	-45.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	1.9%	7.3%	-1.6
BAX	0.0%	6.3%	0.6
PVS	-0.5%	10.7%	0.4
PVB	2.8%	0.2%	0.5
SHB	0.0%	6.5%	0.4
Ticker	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
BVS	-0.9%	16.6%	-2.5
VE1	8.9%	29.9%	-1.2
IVS	8.3%	75.1%	-1.0
PPS	8.1%	35.7%	-0.9
NHA	1.8%	5.9%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	13.6%	TCH, DRC
Du lịch và Giải trí	7.8%	VHM, VIC
Bất động sản	7.6%	HVN, VJC
Dầu khí	5.9%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	5.6%	HPG, HSG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Truyền thông	-0.7%	YEG, PNC
Y tế	1.2%	TRA, PME
Hóa chất	2.5%	VFG, TNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.7%	APH, TDP
Bảo hiểm	3.0%	PGI, BIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	29.0%	SSI, VCI
Hóa chất	23.4%	TCH, HHS
Ô tô và phụ tùng	21.8%	HRC, DCM
Công nghệ thông tin	16.8%	FPT, CMG
Tài nguyên Cơ bản	16.2%	VCG, CII
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Truyền thông	0.6%	YEG, AAA
Y tế	4.1%	PME, VDP
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.6%	APH, TDP
Thực phẩm và đồ uống	6.9%	VHC, DAT
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.8%	GDT, DQC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,400	386,950 (16,776)	105,882 (4.6)	22.8	68.6	46.9	14.2	6.4	8.5	4.0	3.7	0.5	4.3	7.1	5.7
	VHM	VINHOMES JSC	103,400	340,136 (14,746)	257,339 (11.1)	26.9	12.8	10.8	34.2	36.8	30.9	4.0	3.0	0.3	8.2	21.6	15.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	36,700	83,394 (3,615)	304,036 (13.2)	17.9	36.8	26.6	-11.8	8.2	10.8	2.9	2.7	-1.2	10.2	28.3	16.9
	NVL	NO VA LAND INVES	75,400	74,366 (3,224)	316,065 (13.7)	32.6	19.3	18.5	3.1	14.7	13.5	2.8	2.4	-0.1	16.0	18.0	14.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	33,300	18,608 (807)	50,694 (2.2)	10.9	17.1	14.9	13.9	14.0	15.1	2.3	2.1	2.3	13.3	19.1	13.7
	DXG	DAT XANH GROUP	17,650	9,148 (397)	137,066 (5.9)	13.5	16.3	8.8	-54.0	4.3	13.6	1.3	1.1	0.6	3.8	19.3	10.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	105,600	391,657 (16,980)	90,968 (3.9)	6.2	24.5	20.3	10.4	19.2	19.2	4.2	3.4	1.1	6.3	7.5	7.9
	BID	BANK FOR INVESTM	48,750	196,073 (8,501)	120,081 (5.2)	12.6	35.1	22.0	-7.2	9.3	12.2	2.5	2.2	1.0	1.8	6.4	1.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	35,100	123,022 (5,333)	553,757 (24.0)	0.0	11.0	9.5	9.3	16.8	16.4	1.7	1.4	-0.4	6.2	36.8	11.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	38,500	143,351 (6,215)	316,412 (13.7)	1.1	15.2	11.4	31.2	12.6	14.8	1.7	1.5	-0.5	8.8	10.8	11.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	34,900	85,671 (3,714)	199,266 (8.6)	0.0	9.4	8.1	10.5	19.0	18.5	1.7	1.4	-0.9	1.6	23.3	7.4
	MBB	MILITARY COMMERC	26,150	73,187 (3,173)	467,021 (20.2)	0.0	9.2	8.1	12.5	18.8	17.9	1.5	1.3	-0.8	4.9	22.8	14.7
	HDB	HDBANK	26,750	42,633 (1,848)	144,698 (6.3)	4.4	9.4	8.0	24.7	19.2	19.0	1.7	1.4	-0.4	8.1	20.2	12.6
	STB	SACOMBANK	19,800	35,712 (1,548)	471,811 (20.4)	14.1	20.4	16.0	11.5	7.1	8.4	1.3	1.2	-1.5	11.9	25.3	17.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	28,000	28,886 (1,252)	76,937 (3.3)	0.0	8.6	7.9	34.8	22.3	19.9	1.8	1.4	-0.7	0.9	25.6	4.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	20,200	24,835 (1,077)	10,382 (0.4)	0.0	29.1	33.3	13.6	5.3	4.4	1.5	1.4	0.0	3.6	18.1	4.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	68,200	50,626 (2,195)	87,009 (3.8)	20.7	40.3	32.4	4.0	6.6	8.2	2.6	2.4	0.1	3.3	18.6	3.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	33,500	3,060 (133)	24,030 (1.0)	15.0	18.3	16.1	9.7	8.5	9.4	1.3	1.3	4.2	6.2	10.6	9.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	34,100	20,426 (886)	385,538 (16.7)	54.0	17.7	16.6	-4.1	10.3	11.7	-	-	1.6	1.0	44.8	3.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	60,400	10,002 (434)	82,676 (3.6)	71.4	-	-	-	11.1	13.0	-	-	3.4	-3.8	38.5	3.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	32,300	9,853 (427)	159,792 (6.9)	52.6	-	-	-	11.0	17.1	-	-	1.3	2.2	17.7	2.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	29,650	6,183 (268)	120,483 (5.2)	18.8	-	-	-	7.4	11.2	-	-	4.8	-1.5	45.3	-1.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	116,300	243,026 (10,536)	291,608 (12.6)	42.2	23.7	21.6	6.2	38.9	39.1	8.3	7.5	0.3	5.0	3.3	6.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	205,500	131,783 (5,713)	22,571 (1.0)	36.8	31.0	25.3	3.5	22.4	24.9	6.4	5.7	1.6	3.3	0.4	5.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	94,000	110,420 (4,787)	131,583 (5.7)	15.4	101.7	41.7	-52.5	3.5	8.8	3.5	3.2	-0.1	5.3	11.2	5.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	16,100	17,848 (774)	123,527 (5.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	3.5	11.4	10.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,500	68,885 (2,986)	83,890 (3.6)	11.3	-	31.6	-	-4.3	14.1	4.8	4.2	0.2	5.4	7.6	5.2
	GMD	GEMADEPT CORP	36,350	10,955 (475)	157,980 (6.8)	10.4	26.7	24.5	-53.1	7.1	7.5	1.8	1.8	6.6	7.5	16.9	11.5
	CII	HO CHI MINH CITY	24,300	5,804 (252)	66,367 (2.9)	41.6	12.8	12.0	136.8	9.1	8.9	1.1	1.0	2.5	9.0	5.1	13.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,870	1,629 (071)	31,277 (1.4)	46.4	-	-	-	-	-	-	-	6.7	15.3	32.3	13.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	24,450	11,784 (511)	231,470 (10.0)	37.1	33.5	14.1	-17.7	11.3	12.4	-	-	-1.4	4.0	17.5	8.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	84,100	6,416 (278)	104,494 (4.5)	3.0	12.9	11.7	-40.4	6.3	6.5	0.8	0.7	7.0	9.9	19.3	8.2
	REE	REE	53,100	16,411 (711)	26,878 (1.2)	0.0	11.1	9.7	-8.7	13.4	13.6	1.4	1.3	3.7	5.8	11.8	8.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	93,600	179,146 (7,767)	92,303 (4.0)	45.9	22.0	18.3	-14.9	17.0	19.3	3.7	3.7	0.3	4.0	8.7	8.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	25,750	7,413 (321)	19,907 (0.9)	30.1	11.7	10.9	-8.4	13.7	16.9	1.9	1.8	-1.0	4.5	9.1	4.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,100	8,368 (363)	9,301 (0.4)	33.6	10.9	10.0	-17.4	13.1	14.4	1.4	1.4	-0.2	6.3	7.4	6.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	44,900	148,766 (6,450)	804,220 (34.8)	16.0	12.9	10.2	15.5	21.1	22.1	2.7	2.2	4.3	6.0	15.7	8.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,500	7,631 (331)	68,806 (3.0)	36.2	10.8	11.8	8.0	9.7	8.9	0.9	0.9	0.0	2.4	9.2	3.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,300	7,570 (328)	62,422 (2.7)	46.0	13.4	17.6	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	0.4	1.4	4.7	2.1
	HSG	HOA SEN GROUP	25,100	11,152 (483)	189,514 (8.2)	37.2	9.6	8.7	67.9	15.9	15.5	1.5	1.3	4.1	5.5	21.3	13.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	15,500	3,437 (149)	56,488 (2.4)	96.8	8.5	9.0	38.5	11.7	10.1	1.0	0.9	-1.9	6.9	19.7	7.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,300	69,838 (3,028)	50,555 (2.2)	4.2	62.0	20.8	-43.1	5.1	14.9	2.9	2.8	0.0	4.0	8.1	4.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	21,400	9,012 (391)	174,116 (7.5)	39.6	68.2	67.2	-6.2	0.9	0.9	0.7	0.7	1.9	23.0	57.9	32.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,300	4,952 (215)	55,473 (2.4)	34.7	9.6	9.3	-8.6	11.1	10.4	0.9	0.8	0.0	5.9	15.5	9.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	126,200	57,119 (2,476)	136,945 (5.9)	0.0	14.8	11.4	12.9	28.1	28.7	3.7	3.0	0.0	3.5	10.4	6.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,900	18,855 (817)	57,139 (2.5)	0.0	19.3	15.7	3.4	21.5	22.5	3.7	3.2	0.2	2.0	7.1	2.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,000	1,439 (062)	1,595 (0.1)	70.5	19.3	14.1	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-0.2	-0.9	2.9	-0.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	34,200	2,701 (117)	88,434 (3.8)	30.9	81.5	24.4	-48.9	2.8	9.3	2.2	2.2	0.1	4.6	3.2	6.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	69,900	9,471 (411)	66,160 (2.9)	35.0	10.8	9.9	29.5	35.5	32.6	-	-	3.2	8.7	12.7	11.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,800	13,833 (600)	1,044 (0.0)	45.3	18.4	18.1	13.6	21.4	20.3	3.6	3.4	-2.0	1.1	0.6	1.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,600	5,671 (246)	846 (0.0)	11.7	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.5	-3.1	-1.2
IT	FPT	FPT CORP	65,800	51,581 (2,236)	126,310 (5.5)	0.0	15.2	13.0	19.4	23.5	25.1	3.1	2.8	1.7	4.9	15.4	11.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhttv@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.